

### BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC - ĐỢT BỔ SUNG

**1. Nhiệm vụ:** Giám sát và đánh giá chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Núi Cốc phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp năm 2023

**2. Ngày quan trắc:** Ngày 01/10/2023

Ngày cung cấp thông tin: 05/10/2023

**3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới:**

- Tại thời điểm lấy mẫu công lấy nước và các kênh mở, mực nước trung bình

**4. Tổng số vị trí quan trắc: 3 vị trí (bảng 1).**

**Bảng 1: Tổng hợp thông tin vị trí lấy mẫu**

TT	Ký hiệu	Tên vị trí quan trắc	Tọa độ địa lý	Mô tả vị trí quan trắc
1	NC01	Cửa ra của sông Công tại thượng lưu hồ	105°65'03.85"E 21°63'51.70"N	Nước chảy từ hồ sông Công vào hồ (Thượng lưu hồ Núi Cốc)
5	NC5	Điểm khai thác cát	105°43'18.07"E 21°35'05.11"N	Điểm khai thác cát và khoáng sản (Xã Phúc Xuân, TP. Thái Nguyên)
8	NC8	Thượng lưu công lấy nước	105°43'52.10"E 21°33'28.15"N	Nước trên hồ tại Đập Nam hồ Núi Cốc

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Kỹ thuật tài nguyên nước – Trường Đại học Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Lê Văn Chín – Chủ nhiệm nhiệm vụ

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi và các đơn vị quản lý, khai thác CTTL trong vùng.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT BỔ SUNG

Căn cứ theo QCVN 08:2015/BTNMT và kết quả tính chỉ số WQI theo QĐ 1460 QĐ-TCMT, đánh giá chất lượng nước tại các vị trí quan trắc như sau:

- 1) *Các vị trí có chỉ số WQI từ 91-100 điểm, trong giới hạn A1:* Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí nào;**
- 2) *Các vị trí có chỉ số WQI từ 76-90 điểm, trong giới hạn A2:* Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Thượng lưu hồ và thượng lưu cống;**
- 3) *Các vị trí có chỉ số WQI từ 51-75 điểm, trong giới hạn B1:* Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Điểm khai thác cát;**
- 4) *Các vị trí có chỉ số WQI từ 26-50 điểm, trong giới hạn B2:* Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Không có vị trí nào;**
- 5) *Các vị trí có chỉ số WQI dưới 25 điểm, nước bị ô nhiễm nặng:* **Không có vị trí nào.**

**Bảng 2: Kết quả phân tích chất lượng nước**

Ký hiệu	Điểm	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	EC ( $\mu$ S/cm)	TDS (mg/l)	TSS (mg/l)	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (mg/l)	COD (mg/l)	BOD <sub>5</sub> (mg/l)	Colifom (MNP/100mL)	Pb (mg/l)	Fe (mg/l)	Cd (mg/l)
	<i>QCVN 08:2015/A1</i>	6-8,5	-	$\geq 6$	-	-	20	0,3	2	0,05	0,1	10	4	2500	0,02	0,5	0,005
	<i>QCVN 08:2015 A2</i>	6-8,5	-	$\geq 5$	-	-	30	0,3	5	0,05	0,2	15	6	5000	0,02	1,0	0,005
	<i>QCVN 08:2015/ B1</i>	5,5-9,	-	$\geq 4$	-	-	50	0,9	10	0,05	15	30	15	7500	0,05	1,5	0,01
	<i>QCVN 08:2015/ B2</i>	5,5-9	-	$\geq 2$	-	-	100	0,9	15	0,05	25	50	25	10000	0,05	2,0	0,01
NC01	Cửa ra của sông Công tại thượng lưu hồ	7,7	17,6	5,53	92,4	42,8	37,7	0,8	2,1	0,019	0,30	22	16	2500	KPH	KPH	KPH
NC05	Điểm khai thác cát	7,6	31,9	5,24	106,1	47,3	53,1	0,8	1,8	0,025	0,28	22	17	2600	0,003	KPH	KPH
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	7,7	16,8	5,67	89,8	41,6	35,2	0,6	1,9	0,02	0,16	21	16	2450	KPH	KPH	KPH

**Ghi chú:**

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2;

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2;

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2;

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

**Bảng 3: Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI**

<b>Kí hiệu</b>	<b>Tên vị trí</b>	<b>WQI (điểm)</b>	<b>Đánh giá chất lượng nước</b> (QĐ 1460/QĐ-TCMT quy định WQI từ 76-90 điểm đáp ứng được yêu cầu cấp nước sinh hoạt)
NC01	Cửa ra của sông Công tại thượng lưu hồ	76,2	Đảm bảo yêu cầu cấp nước thô
NC05	Điểm khai thác cát	74,1	Đảm bảo yêu cầu cấp nước tưới
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	79,3	Đảm bảo yêu cầu cấp nước thô
	<b>WQI toàn hồ</b>	<b>76,6</b>	